

Số: 88 /NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v Phân bổ vốn đầu tư công kế hoạch năm 2022 tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 2048/QĐ - TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 838/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn thành công tác phân bổ dự toán chi đầu tư kế hoạch năm 2021, trong đó ưu tiên trả nợ các công trình quyết toán và đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án chuyển tiếp, các công trình trọng điểm; đối ứng các dự

án sử dụng ngân sách trung ương; hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn. Các dự án được phân bổ vốn để khởi công mới trong năm cơ bản đã triển khai thực hiện và có khối lượng nghiệm thu.

Chủ động chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ngành, đơn vị chủ đầu tư thực hiện các quy định trong công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; công tác chuẩn bị đầu tư được quan tâm triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng ở một số dự án vẫn gặp phải vướng mắc; tiến độ thi công và giải ngân còn chậm, dồn vốn giải ngân cuối năm, cá biệt còn một số dự án chưa thực hiện giải ngân vốn phải thực hiện điều chuyển. Tiến độ lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành còn chậm mặc dù các công trình đã thi công cơ bản hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Vốn tạm ứng cho các công trình lớn, một số công trình chưa thực hiện thủ tục thanh toán, hoàn trả.

## **Điều 2. Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022**

### **I. Nguyên tắc chung**

1. Bám sát các mục tiêu, chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2. Thực hiện theo đúng các quy định của Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết 13/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định 11/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Xác định dự án đầu tư trọng tâm, trọng điểm thực hiện trong năm 2022; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải.

## **II. Tiêu chí phân bổ**

### **1. Vốn ngân sách trung ương**

1.1. Vốn trong nước: Bố trí thực hiện thu hồi vốn ứng trước; Dự án chuyển tiếp còn hạn mức vốn; Các dự án khởi công mới năm 2022 trong kế hoạch trung hạn và đủ thủ tục đầu tư.

1.2. Vốn nước ngoài (ODA): Theo đúng Hiệp định và cam kết với nhà tài trợ nước ngoài, phù hợp với khả năng giải ngân của từng chương trình, dự án.

### **2. Vốn ngân sách địa phương**

2.1. Đối với ngân sách cấp tỉnh:

- Trả nợ gốc vay, lãi vay; Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án đầu tư công trong kế hoạch trung hạn; Đối ứng dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, vốn ODA; Ghi thu, ghi chi các dự án BT.

- Bổ sung có mục tiêu về cấp huyện, cấp xã: Thanh toán khối lượng hoàn thành công trình hạ tầng nông thôn mới giai đoạn trước, đầu tư xây dựng theo phân cấp; Hỗ trợ các dự án thuộc nhiệm vụ chi cấp huyện sử dụng ngân sách tỉnh giai đoạn trước chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 còn hạn mức trung hạn.

- Các công trình quyết toán vốn đầu tư công ngân sách tỉnh trong năm.

- Hỗ trợ vốn đầu tư công theo chính sách hỗ trợ của tỉnh.

- Bố trí trực tiếp công trình cấp tỉnh đầu tư: Công trình chuyển tiếp; Dự án khởi công mới trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (bao gồm hỗ trợ vốn cho các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn theo quy định).

2.2. Đối với ngân sách cấp huyện, cấp xã: Trên cơ sở khả năng nguồn cân đối, phân chia nguồn thu và nguồn vốn hỗ trợ của cấp tỉnh đối với từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện và hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, các quy định phân cấp đầu tư công của tỉnh xây dựng phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt theo thẩm quyền.

**3. Vốn nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư:** Thực hiện phân bổ cho dự án đầu tư công theo đề nghị của chủ đầu tư phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch năm 2022 và đảm bảo đủ thủ tục đầu tư của các cơ quan, đơn vị.

### **III. Phương án kế hoạch đầu tư công năm 2022**

#### **1. Tổng nguồn vốn là 7.196,096 tỷ đồng**

1.1. Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách trung ương: 541,192 tỷ đồng (*vốn trong nước: 514,125 tỷ đồng. Vốn ngoài nước: 27,067 tỷ đồng*).

1.2. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 6.567,445 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn theo văn bản số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 6.349,645 tỷ đồng, (gồm: *Nguồn chi XDCB vốn tập trung trong nước: 2.326,345 tỷ đồng; Nguồn thu Xổ số kiến thiết: 19 tỷ đồng; Nguồn từ tiền thu sử dụng đất: 4.000 tỷ đồng; Nguồn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 4,3 tỷ đồng*).

- Nguồn vốn bổ sung cho chi đầu tư của ngân sách địa phương: 217,8 tỷ đồng, (gồm: *Nguồn vay lại cho dự án ODA: 9,4 tỷ đồng; Nguồn tăng thu dự toán thời kì ổn định ngân sách huyện, xã: 8,4 tỷ đồng; Nguồn bổ sung chi đầu tư năm 2022: 200 tỷ đồng*).

1.3. Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư là: 87,459 tỷ đồng.

## **2. Phương án phân bổ 7.196,096 tỷ đồng**

2.1. Vốn ngân sách trung ương: 541,192 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn trong nước: 514,125 tỷ đồng, (gồm: *Hoàn ứng là 44,5 tỷ đồng; Phân bổ cho các dự án là: 469,625 tỷ đồng*).

- Vốn ngoài nước: 27,067 tỷ đồng.

2.2. Vốn ngân sách địa phương: 6.567,445 tỷ đồng, trong đó:

- Chi trả nợ gốc, lãi vay: 15,2 tỷ đồng, (gồm: *Trả nợ gốc: 9,4 tỷ đồng; Trả lãi vay 5,8 tỷ đồng*).

- Chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước: 6.552,245 tỷ đồng, gồm:

(i) *Cân đối về cấp huyện, xã: 218,4 tỷ đồng, (gồm: Cân đối về các huyện, thành phố theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND tỉnh: 210 tỷ đồng; Nguồn tăng thu dự toán thời kỳ ổn định ngân sách huyện, xã: 8,4 tỷ đồng).*

(ii) *Chi đầu tư công ngân sách tỉnh: 2.333,845 tỷ đồng, (gồm: Bổ sung có mục tiêu về huyện, xã: 220 tỷ đồng; Kinh phí trả các dự án đã được phê duyệt quyết toán (nguồn vốn đầu tư công 100% ngân sách tỉnh): 200 tỷ đồng; Nguồn vốn vay lại cho dự án ODA: 13,7 tỷ đồng; Đối ứng các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương: 430 tỷ đồng; Hỗ trợ đối với dự án chuyển tiếp thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, xã: 217,322 tỷ đồng; Bố trí trực tiếp các dự án cấp tỉnh quản lý: 1.233,823 tỷ đồng; Chuẩn bị đầu tư: 7 tỷ đồng; Chi hỗ trợ vốn đầu tư công theo chính sách của tỉnh: 12 tỷ đồng).*

(iii) *Nguồn tiền thu sử dụng đất: 4.000 tỷ đồng, (gồm: Ngân sách cấp tỉnh: 841,3 tỷ đồng; Ngân sách cấp huyện, cấp xã 3.158,7 tỷ đồng).*

2.3. Kế hoạch đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư là: 87,459 tỷ đồng, (gồm: *Bệnh viện đa khoa tỉnh: 82,274 tỷ đồng; Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải cơ sở 1: 2,805 tỷ đồng; Chi cục Chăn nuôi, thú y và thủy sản: 2,38 tỷ đồng*).

*(Chi tiết mục III theo các phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08)*

### **Điều 3: Tổ chức thực hiện**

1. Đối với các nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công ngân sách tỉnh năm 2022: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ chi tiết các dự án đủ thủ tục đầu tư trước ngày 31/12/2021. Các nhiệm vụ, dự án còn lại, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư theo quy định.

*(Chi tiết theo phụ lục 9A, 9B)*

2. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2022 tới cấp huyện; Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt theo thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện việc lập kế hoạch, tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công năm 2022 trên địa bàn theo quy định tại Quyết định 16/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) đã phân bổ theo kế hoạch năm 2021, đến ngày 31 tháng 01 năm 2022 chưa giải ngân hết: Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các thủ tục kéo dài thời gian thanh toán vốn theo phân cấp, nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. Đối với phần vốn ghi thu, ghi chi các dự án BT: Thực hiện trên cơ sở kế hoạch dự kiến, khả năng thực tế triển khai các công trình BT và nhu cầu ghi thu, ghi chi thực tế trong năm 2022.

**Điều 4.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

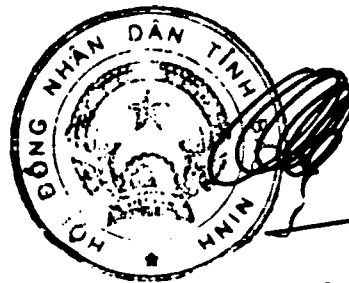
Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ký. /.

Nơi nhận: *Uê*

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Các bộ: TC, KH&ĐT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng CT.HĐND, lưu VT.

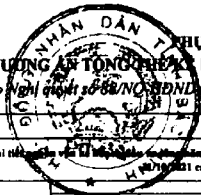
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Chung**

**PHƯƠNG AN TỔNG TRƯỞNG HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-ĐNDL ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Kế hoạch đầu tư công năm 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Kế hoạch Đầu tư công năm 2022								Nguồn bổ sung chi đầu tư của ngân sách địa phương				Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	Ghi chú
			Chi tiêu nguồn vốn và tài trợ nước ngoài năm 2022 theo dự kiến tại văn bản số 6926/BCHHT-TTH ngày 08/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư													
			Tổng số theo dự kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Vốn ngân sách địa phương	Trong đó					Vốn ngân sách trung ương	Tổng số	Chi tiết:				
					Chi XDCB vào dự án trung ương nước	Ngân sách xã hội hóa	Dự kiến nguồn tiền thu sử dụng đất	Đầu tư từ quỹ chi NS địa phương	Bộ chi ngân sách địa phương			Bộ chi ngân sách địa phương	Ngân sách thu DT thời kỳ ổn định NS huyện, xã	Ngân sách bổ sung chi đầu tư năm 2022		
TỔNG CỘNG			7.196.096	6.890.837	6.349.645	2.326.345	19.000	4.000.000	4.300	541.192	217.800	9.400	8.400	200.000	87.459	
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	541.192	541.192							541.192						
I	Vốn trong nước	514.125	514.125							514.125						
II	Vốn nước ngoài	27.067	27.067							27.067						
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.567.445	6.349.645	6.349.645	2.326.345	19.000	4.000.000	4.300	-	217.800	9.400	8.400	200.000	-		
I	Chi trả nợ gốc, lãi vay	15.200	15.200	15.200	15.200											
1	Chi trả nợ gốc	9.400	9.400	9.400	9.400											
2	Chi trả lãi vay	5.800	5.800	5.800	5.800											
II	Chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước	6.552.245	6.334.445	6.334.445	2.311.145	19.000	4.000.000	4.300		217.800	9.400	8.400	200.000	-		
1	Cần đối về cấp huyện, xã	218.400	210.000	210.000	210.000	-	-	-		8.400	-	8.400		-		
1.1	Cần đối về các huyện, thị xã, thành phố theo NQ 13/NQ-HĐND	210.000	210.000	210.000	210.000					-						
1.2	Nguồn tăng thu DT thời kỳ ổn định NS huyện, xã	8.400	-	-						8.400		8.400				
2	Chi đầu tư công ngân sách tỉnh	2.333.845	2.124.445	2.124.445	2.101.145	19.000	-	4.300	-	209.400	9.400	-	200.000	-		
2.1	Chuẩn bị đầu tư	7.000	7.000	7.000	7.000					-						
2.2	Bổ sung có mục tiêu về huyện, xã	220.000	220.000	220.000	220.000					-						
2.3	Kinh phí trả các dự án đã được phê duyệt quyết toán (nguồn vốn đầu tư công 100% ngân sách tỉnh)	200.000	200.000	200.000	200.000					-						
2.4	Dự án ODA Tăng cường năng lực quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường	13.700	4.300	4.300				4.300		9.400	9.400					
2.5	Đổi ứng các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương	430.000	430.000	430.000	430.000					-						
2.6	Hỗ trợ đối với dự án chuyển tiếp thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, xã	217.322	217.322	217.322	217.322					-						
2.7	Chi hỗ trợ theo chính sách của tỉnh	12.000	-	-						12.000			12.000			
2.8	Bổ trợ trực tiếp các dự án cấp tỉnh quản lý	1.233.823	1.045.823	1.045.823	1.026.823	19.000	-	-		188.000	-		188.000	-		
a	Dự án chuyển tiếp	785.823	785.823	785.823	766.823	19.000				-						
b	Dự án khởi công mới năm 2022	448.000	260.000	260.000	260.000					188.000			188.000			
3	Nguồn tiền thu sử dụng đất	4.000.000	4.000.000	4.000.000			4.000.000			-						
3.1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	841.300	841.300	841.300			841.300									
3.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện, xã	3.158.700	3.158.700	3.158.700			3.158.700									
C	Chi đầu tư từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	87.459		-											87.459	

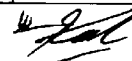
*[Signature]*

**PHỤ LỤC 02:**  
**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN, XÃ NĂM 2022**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương	TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022	Trong đó:						Ghi chú
			Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó:		Nguồn cân đối ngân sách cấp huyện	Tăng thu điều tiết cấp huyện, xã	Nguồn bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND	
				Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện	Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp xã				
1	2	3	4	4a	4b	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	3.597.100	3.158.700	2.993.700	165.000	210.000	8.400	220.000	
1	Thành phố Bắc Ninh	994.900	928.900	863.900	65.000	33.600	8.400	24.000	
2	Thành phố Từ Sơn	414.200	367.000	317.000	50.000	25.200		22.000	
3	Huyện Tiên Du	428.250	379.000	329.000	50.000	26.250		23.000	
4	Huyện Yên Phong	350.950	300.800	300.800		24.150		26.000	
5	Huyện Quế Võ	233.500	176.000	176.000		31.500		26.000	
6	Huyện Thuận Thành	872.300	819.000	819.000		27.300		26.000	
7	Huyện Gia Bình	179.700	122.200	122.200		21.000		36.500	
8	Huyện Lương Tài	123.300	65.800	65.800		21.000		36.500	



**PHỤ LỤC 03:**  
**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022**  
(theo điều chỉnh quyết định số 24/2021/QĐ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng															
STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phân bổ đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch vốn năm 2022						Ghi chú
			Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSTW	Số quyết định	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Nguồn vay lại cho dự án ODA	Nguồn vốn NSDP đối ứng		
										Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán sự XD/CB	
	TỔNG SỐ			6.405.310	2.380.295		5.507.029	1.610.485	904.892	541.192	44.500	-	13.700	430.000	
A	VỐN TRONG NƯỚC			6.405.310	2.351.699		5.437.381	1.581.880	944.125	514.125	44.500	-	-	430.000	
a	Lĩnh vực Văn hóa			212.093	102.093		212.093	102.093	33.625	23.625	-	-	-	10.000	
a1	Chuyến tiếp			212.093	102.093		212.093	102.093	33.625	23.625	-	-	-	10.000	
1	Nhà lưu niệm đồng chí Lê Quang Đạo	UBND Thành phố Tư Sơn (Ban QLDA)	537/QĐ-UBND, 163/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	22.093	22.093	1719/QĐ-UBND ngày 04/12/2020, 624/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	22.093	22.093	7.093	7.093	-	-	-	-	
2	Tu bổ, tôn tạo thành cổ Luy Lâu và hệ thống Tư Pháp huyện Thuận Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	277/NQ-HĐND ngày 17/7/2020, 24/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	190.000	80.000	546/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	189.927	80.000	26.532	16.532	-	-	-	10.000	
b	Lĩnh vực Y tế			632.400	334.000		632.400		00.000	00.000	-	-	-	20.000	
b1	Khởi công mới			316.730	334.000		632.400		00.000	00.000	-	-	-	20.000	
1	ĐTXD cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Yên Phong, quy mô 300 giường bệnh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	361/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	316.730	168.000	1314/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	316.730	168.000	40.000	30.000	-	-	-	10.000	
2	ĐTXD mở rộng Trung tâm y tế huyện Thuận Thành	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	211/NQ-HĐND, 362/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	315.750	168.000	1315/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	315.750	168.000	40.000	30.000	-	-	-	10.000	
c	Lĩnh vực Môi trường (Cấp nước thoát nước)			257.231	90.000		246.258	90.000	30.000	20.000	-	-	-	10.000	
c1	Chuyến tiếp			257.231	90.000		246.258	90.000	30.000	20.000	-	-	-	10.000	
1	Hệ thống xử lý nước thải đô thị Thừa, Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	285/NQ-HĐND, 343/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	257.231	90.000	1895/QĐ-UBND ngày 30/12/2020, 1143/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	246.258	90.000	30.000	20.000	-	-	-	10.000	
d	Các hoạt động kinh tế			5.233.658	1.823.602		4.346.523	1.389.792	800.500	410.500	44.500	-	-	390.000	
d1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			543.339	227.602		1.782.805	923.792	99.500	69.500	44.500	-	-	30.000	
1	Chuyến tiếp			450.339	99.602		1.582.855	843.792	79.500	59.500	44.500	-	-	20.000	
1	Nâng cấp tuyến đường Hoàng	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				565/QĐ-UBND, 23/5/2011	928.100	464.050				-	-		

*(Chữ ký)*



STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT			Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch vốn năm 2022						Ghi chú
			Số quyết định	TMBT	Trong đó: NSTW	Số quyết định	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Nguồn vay lại cho dự án ODA	Nguồn vốn NSDP đối ứng		
										Tổng số	Thanh toán nợ XDCB				
3	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Tào Khê (đoạn từ Cầu Trầm đến đầu tắt Chà)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	278/NQ-HĐND ngày 17/7/2020, 344/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	199.950	80.000	751/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	199.950	80.000	25.000	15.000				10.000	
2	Khởi công mới			85.000	128.000		199.950	80.000	28.000	18.000	-	-	-	10.000	
1	Xử lý sụt lún bờ, bồi đắp đoạn từ K32+544 - K33+300 và đoạn K46+500 - K46+700 đê hữu Cầu, huyện Yên Phong	Chi cục Thủy lợi	368/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	85.000	48.000				20.000	10.000				10.000	
#2	Giao thông			4.698.319	1.596.000		2.563.718	466.000	701.000	341.000	-	-	-	368.000	
1	Chuyến tập			2.485.009	302.000		2.223.331	302.000	50.000	50.000	-	-	-	280.000	
1	Đầu tư xây dựng Cầu Phát Tích - Đu Đông Thành (cầu vượt sông Đường nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban QLDA XD Giao thông	109/TT HĐND17 ngày 29/6/2016, 124/TT HĐND18 ngày 22/5/2017, 241/NQ-HĐND ngày 4/6/2020, 365/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	1.926.969	200.000	691/QĐ - UBND ngày 30/5/2017, 659/QĐ - UBND, ngày 10/6/2020	1.926.969	200.000	285.000	35.000				250.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu tạo nâng cấp đường TL 278 (đoạn từ QL18 + QL38) thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA XD Giao thông	32/TT HĐND17 ngày 07/9/2016, 37/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	296.362	102000	1136/QĐ-UBND ngày 16/9/2016; 1927/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	296.362	102.000	20.000					20.000	
3	ĐTXD đường nối thị trấn Quế Võ (đoạn Nhân Hòa đi Đại Xuân)	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	PL08, NQ 211/NQ- HĐND ngày 29/10/2019, 342/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	182.478	80000	125/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	182.477	80.000	25.000	15.000				10.000	
2	Khởi công mới			2.284.510	1.294.000		348.387	164.000	371.000	291.000	-	-	-	80.000	
1	Dự án ĐTXD đường ĐT278 đoạn từ QL18, xã Phương Mao đến ĐT287, xã Yên Chà, huyện Quế Võ	Ban QLDA XD Giao thông	291/NQ-HĐND ngày 17/7/2020, 363/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	298.163	138.000				40.000	30.000				10.000	
2	ĐTXD ĐT 282B đoạn từ ĐT 285 đi đường dẫn cầu Bình Thuận, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Phụ lục 11 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019, 23/NQ- HĐND ngày 16/7/2021	230.000	92.000				30.000	20.000				10.000	
3	Đường Lý Anh Tông kéo dài (đoạn từ ĐT 295B sang phía Tây thành phố đến đường H), thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	280/NQ-HĐND ngày 17/7/2021, 364/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	166.348	84.000	774/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	157.910	84.000	28.000	18.000				10.000	
4	ĐTXD cầu Kênh Váng và đường dẫn hai đầu cầu kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hà Đông	Ban QLDA XD Giao thông	366/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	1.590.000	900.000				273.000	223.000				50.000	
B	VỐN NGOÀI NƯỚC			69.748	28.600		69.748	28.600	40.767	27.067	-	-	-	13.700	-
a	Các hợp đồng tài chính			69.748	28.600		69.748	28.600	40.767	27.067	-	-	-	13.700	-
a1	Công nghệ thông tin			69.748	28.600		69.748	28.600	40.767	27.067	-	-	-	13.700	-
1	Chuyến tập			69.748	28.600		69.748	28.600	40.767	27.067	-	-	-	13.700	-
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh vay vốn Ngân hàng thế giới	Sở Tài nguyên và Môi trường	599/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	69.748	28.600	609/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	69.748	28.600	40.767	27.067			13.700		

10/



HỤ LỤC 04:

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP THUỘC NHIỆM VỤ CHI CỦA CẤP HUYỆN, XÃ**

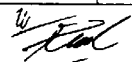
(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT			
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.417.282</b>		<b>217.322</b>	
I	<b>Huyện Gia Bình</b>		-	<b>387.278</b>		<b>34.000</b>	
a	<b>Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>			<b>109.551</b>		<b>14.000</b>	
1	Trường mầm non Hoàng Đăng Miện huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1945/QĐ UBND, ngày 29/10/2018	49.843	2018-2022	8.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường Mầm non xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1678/QĐ - UBND, ngày 23/10/2019	59.708	2019-2023	6.000	
b	<b>Các hoạt động kinh tế</b>			<b>315.837</b>		<b>26.867</b>	
b1	<b>Lĩnh vực Giao thông</b>			<b>315.837</b>		<b>26.867</b>	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường Huyện Quang kéo dài đi QL.17 và các tuyến nhánh, thị trấn Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1943/QĐ UBND, ngày 29/10/2018	157.745	2018-2022	10.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường trục trung tâm đô thị Nhân Thắng kéo dài đi TL.285 mới và tuyến nhánh	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1888/QĐ UBND, ngày 26/10/2018	119.982	2018-2022	10.000	
5	Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật chống ngập úng thôn Đông Bình, thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (UBND thị trấn Gia Bình)	1726/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	38.110	2020-2022	6.867	
II	<b>Huyện Lương Tài</b>		-	<b>101.888</b>		<b>17.000</b>	
a	<b>Các hoạt động kinh tế</b>			<b>101.888</b>		<b>17.000</b>	
a1	<b>Lĩnh vực Giao thông</b>			<b>101.888</b>		<b>17.000</b>	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT			
6	Dự án chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Thửa, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1748/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	45.058	2019-2021, tiếp đến năm 2022	7.000	
7	Dự án ĐTXD đường ĐH 8 đoạn từ TL280 đi cầu Bền, xã Bình Định, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	884/QĐ - UBND, ngày 16/3/2019	19.533	2019-2021	5.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
8	Cải tạo, chỉnh trang sông Thửa (Đoạn hồ Thửa đi TL280)	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1908/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	37.297	2019-2022	5.000	
III	Huyện Quế Võ		-	526.707		48.000	
a	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			54.889		8.000	
9	ĐTXD Trường THCS xã Phương Liễu, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	359/QĐ - UBND, ngày 20/3/2020	54.889	2020-2024	8.000	
b	Các hoạt động kinh tế			471.818		40.000	
b1	Lĩnh vực cấp nước thoát nước			69.762		13.000	
10	Hệ thống tiêu thoát nước trên địa bàn huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1919/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	69.762	2018-2022	13.000	
b2	Lĩnh vực Giao thông			402.056		27.000	
11	Đường trục chính đô thị từ tỉnh lộ 279 đi Khu công nghiệp Quế Võ số 3, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1942/QĐ UBND, ngày 29/10/2018	95.139	2018-2021, tiếp đến năm 2022	5.000	
12	Dự án ĐTXD đường trục huyện Quế Võ đoạn từ TL.279 đi Bằng An, lên đê Hữu Cầu	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1926/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	102.486	2018-2022	5.000	
13	Dự án đầu tư xây dựng đường trục huyện Quế Võ đoạn từ QL18 đi xã Phù Lương	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1917/QĐ UBND, ngày 26/10/2018	59.936	2018-2020, tiếp đến năm 2022	8.000	

*th*  


STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Ngân sách tính hỗ trợ năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT			
14	Đường trục chính đô thị đoạn từ QL18 đi xã Việt Hùng, xã Bằng An, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1101/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018; 605/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	144.495	2018-2021, tiếp đến năm 2022	9.000	
IV	<b>Huyện Thuận Thành</b>		-	<b>396.345</b>		<b>36.500</b>	
a	<b>Các hoạt động kinh tế</b>			<b>396.345</b>		<b>36.500</b>	
a1	<b>Lĩnh vực Giao thông</b>			<b>396.345</b>		<b>36.500</b>	
15	ĐTXD đường giao thông từ Trung tâm thể thao đi nhà máy xử lý nước thải huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1751/QĐ UBND, ngày 30/10/2019 ; 976/QĐ-UBND ngày 6/8/2021	49.965	2020-2022	6.000	
16	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Ngọc Khảm, xã Gia Đông đi Trung tâm thể thao huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1122/QĐ UBND, ngày 19/8/2020	73.255	2019-2021	4.500	
17	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ QL.38 qua nhà máy xử lý nước thải huyện Thuận Thành đi QL.17, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1819/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	77.379	2020-2024	7.000	
18	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ QL.17 đi QL.38 thuộc địa phận xã An Bình, xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1070/QĐ-UBND ngày 06/8/2020	81.072	2020-2024	5.000	
19	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Khu công nghiệp Khai Sơn đi đường tránh QL.17, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1811/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	60.077	2019-2022	5.000	

6

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Ngân sách tính hỗ trợ năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT			
20	Dự án ĐTXD hệ thống đường trục xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1643/QĐ UBND, ngày 17/10/2019	54.596	2019-2021	9.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
V	Huyện Tiên Du		-	576.228		44.500	
a	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			97.134		2.500	
21	Dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Hoàn Sơn, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1788/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	97.134	2019-2023	2.500	
b	Các hoạt động kinh tế			479.094		42.000	
b1	Lĩnh vực Giao thông			479.094		42.000	
22	Đường HL6 đoạn từ TL276 vào trụ sở BCH quân sự mới và làng đại học 1	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1977/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	102.759	2019-2022	10.000	
23	Đường du lịch Phật Tích kéo dài đi Cảnh Hưng (giai đoạn 1)	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	QĐ số 1963/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	29.130	2019-2021	5.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
24	Đường nhánh nội bộ trung tâm hành chính mới huyện Tiên Du (giai đoạn 1)	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	QĐ số 1976/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	58.697	2019-2021	5.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
25	Đường ĐT1 kéo dài (đoạn từ TL276 đến đường Nội Duệ- Tri Phương) huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	QĐ số 1921/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	213.549	2018-2022	8.000	
26	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đê tả Đuống (tại xã Minh Đạo) đi TL.287, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1745/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	74.959	Năm 2020-2022, tiếp đến năm 2023	14.000	
V1	Huyện Yên Phong		-	97.884		10.000	
a	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			26.982		2.000	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Ngân sách tính hỗ trợ năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMDT			
27	Trường mầm non khu nhà ở Đồng Riệc thôn Phú Mẫn, thị trấn Chờ, Huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	687/QĐ - UBND, ngày 16/6/2020	26.982	2020-2022	2.000	
b	Các hoạt động kinh tế			70.902		8.000	
b1	Lĩnh vực Giao thông			70.902		8.000	
28	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đê sông Cầu, xã Dũng Liệt đi Khu công nghiệp Yên Phong I mở rộng, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	1804/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	70.902	2020-2022	8.000	
VII	Thành phố Bắc Ninh			243.564		7.000	
a	Các hoạt động kinh tế			243.564		7.000	
a1	Lĩnh vực Giao thông			243.564		7.000	
29	Mở rộng đường Lý Anh Tông kết nối với nút giao Tây Nam	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	739/QĐ-UBND ngày 29/3/2018; 527/QĐ, 27/4/2018	134.047	2018-2021	2.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
30	Đường Hoàng Hoa Thám kéo dài đoạn từ dự án đầu giá QSD đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường Kinh Bắc (ĐA K15) đến đường H, tp Bắc Ninh	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1969/QĐ UBND, ngày 30/10/2018	109.517	2019-2022	5.000	
VIII	Thành phố Từ Sơn			49.278		13.455	
a	Các hoạt động kinh tế			49.278		13.455	
a1	Lĩnh vực Giao thông			49.278		13.455	
31	Dự án ĐTXD Đường về khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ đoạn từ ĐT.277 qua UBND phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn	UBND Thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	1608/QĐ UBND, ngày 15/10/2019	49.278	2019-2021, tiếp đến năm 2023	13.455	

*Handwritten signature*

**PHỤ LỤC 05:**  
**PHƯƠNG ÁN TRẢ BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CHO CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP**  
(Kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Số, ngày tháng	TMDT	Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
						Tổng cộng	Nguồn Xố số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP						9.592.383			
I	Lĩnh vực Quốc phòng			102.719		9.208	19.000	766.823	
1	Công trình đường hầm Sô chỉ huy thống nhất tỉnh Bắc ninh	Bộ CHQS tỉnh	1736/QĐ-UBND, 31/12/2015	102.719	2015-2022	9.208	-	9.208	Đã phê duyệt CTĐT điều chỉnh tại NQ 31/NQ-HĐND ngày 17/6/2021, TMDT là 108 tỷ đồng
II	Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội			223.052		28.400	-	28.400	
2	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ	Công an tỉnh	Số 350/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	6.475	2020-2022	1.000		1.000	
3	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự thị trấn Lim, huyện Tiên Du	Công an tỉnh	Số 352/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	6.343	2020-2022	1.000		1.000	
4	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Trùng Xá, huyện Lương Tài	Công an tỉnh	Số 354/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	7.607	2020-2022	1.700		1.700	
5	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh	Số 359/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	7.064	2020-2022	2.000		2.000	
6	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh	Số 360/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	6.517	2020-2022	1.000		1.000	
7	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Lai, huyện Gia Bình	Công an tỉnh	Số 362/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	7.813	2020-2022	1.700		1.700	
8	ĐTXD Trung tâm cảnh sát thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh.	Công an tỉnh	1266/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	181.234	2020-2024	20.000		20.000	
III	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			531.725		69.000	19.000	50.000	
9	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng trường THPT Yên Phong số 2	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1749/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1376/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	42.937	2019-2021; Hoàn thành trong năm 2022	17.600		17.600	

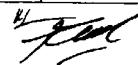
*(Chữ ký)*

STT	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMDT		Tổng cộng	Nguồn Xố số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
10	ĐTXD Nhà lớp học, trường THPT Lý Thái Tổ	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1785/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	53.607	2020-2023	4.000	4.000		
11	Nhà điều hành và học thực hành Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1948/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	60.986	2018-2022	6.000	6.000		
12	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1784/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	32.781	2020-2022	9.400		9.400	
13	Dự án ĐTXD mở rộng trường THPT Lý Nhân Tông	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1786/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 572/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	42.517	2020-2023	9.000	9.000	-	
14	Trường THCS Hàn Thuyên huyện Lương Tài	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1567/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1499/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	152.223	2017-2023	11.000		11.000	
15	Trường THCS trọng điểm huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1975/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	146.674	2018-2022	12.000		12.000	
IV	<b>Lĩnh vực Khoa học, công nghệ</b>			<b>81.478</b>		<b>500</b>	<b>-</b>	<b>500</b>	
16	Tăng cường năng lực hoạt động cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giai đoạn 2012-2020	Sở Khoa học công nghệ	1554/QĐ-UBND ngày 05/12/2012; 245/QĐ-UBND ngày 09/3/2016; 23/QĐ-UBND ngày 08/01/2019	81.478	2016-2020; đến năm 2022	500		500	Đã điều chỉnh giảm TMDT theo Nghị quyết số CTĐT tại Nghị quyết 54/NQ-HĐND còn 71.609 tỷ đồng; đang làm thủ tục điều chỉnh dự án
V	<b>Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình</b>			<b>575.408</b>		<b>44.718</b>	<b>-</b>	<b>44.718</b>	
17	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1782/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	84.401	2020-2023	9.718		9.718	



STT	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMDT		Tổng cộng	Nguồn Xổ số năm 2022	Nguồn XD CB tập trung	
18	Dự án mở rộng Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1984/QĐ-UBND ngày 25/12/2017; 1112/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	491.007	2021-2024	35.000		35.000	
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa, thông tin</b>			<b>830.947</b>		<b>76.500</b>	<b>-</b>	<b>76.500</b>	
19	Trung tâm văn hóa thiếu nhi phía nam tỉnh tại thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1910/QĐ UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	148.483	2018-2021, đến hết năm 2022	15.000		15.000	
20	Đầu tư xây mới chùa Dạm, xã Nam Sơn, TPBN	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1470/QĐ-UBND; 30/11/2015; 840/QĐ-UBND ngày 4/6/2019	124.736	2015-2020	5.000		5.000	
21	Tu bổ, tôn tạo chùa Linh Ứng, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1741/QĐ UBND, ngày 30/10/2019; 1484/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	29.980	2020-2022	5.000		5.000	
22	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Lũng Khê	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	426/QĐ-KHĐT ngày 31/10/2019; 283/QĐ-SKHĐT QL N ngày 22/10/2021	14.934	2020-2022	3.500		3.500	
23	Tu bổ, tôn tạo di tích Lăng và Đền thờ Kinh Dương Vương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51/QĐ-UBND; 17/1/2014; 1603/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	168.680	2014-2018; đến hết năm 2022	10.000		10.000	
24	Đền Thờ Nguyễn Cao tại xã Cách Bi huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1799/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	143.167	2020-2023	8.000		8.000	
25	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đền Bình Ngô, xã An Bình, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành	1790/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	121.211	2014-2023	20.000		20.000	
26	Trùng tu, tôn tạo khu di tích Chùa Dấu, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1221/QĐ UBND, ngày 05/9/2017 (PDDA đc)	79.756	2017-2020	10.000		10.000	
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Thể dục thể thao</b>			<b>105.326</b>		<b>29.424</b>	<b>-</b>	<b>29.424</b>	
27	Trung tâm đào tạo và thi đấu bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1560/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 357/QĐ-UBND ngày 20/3/2020; 1127/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	105.326	Đến tháng 9 năm 2023	29.424		29.424	
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường</b>			<b>219.489</b>		<b>5.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000</b>	


STT	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT		Tổng cộng	Nguồn Xả số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
28	Hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Phong Khê Bắc Ninh	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	726/QĐ-UBND ngày 07/6/2012	219.489	Đến hết ngày 31/12/2022	5.000		5.000	
IX	Các hoạt động kinh tế			6.491.976		477.573	-	477.573	
a	Lĩnh vực cấp nước thoát nước			39.446		10.000		10.000	
29	Đầu tư xây dựng nâng công suất và thay đổi nước ngầm sang sử dụng nước mặt công trình cấp nước sạch tập trung xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh	1720/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	39.446	2019-2021	10.000		10.000	
a	Lĩnh vực Giao thông			4.341.777		335.900	-	335.900	
30	Tuyến đường H thành phố Bắc Ninh (đoạn từ nút giao với đường Kinh Dương Vương đến Hồ điều hòa)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	175/QĐ-UBND ngày 2/7/2015; 355/NQ-HĐND ngày 12/4/2021	254.908	2015-2024	30.000		30.000	
31	Đường vào Trung tâm đào tạo bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh (đoạn từ đường Hàn Thuyên đến đường Lê Văn Thịnh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1723/QĐ-UBND, ngày 05/10/2018; 1120/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	26.390	2018-2020, tiếp đến năm 2022	12.000		12.000	
32	Tuyến đường nối đường Hàn Thuyên và đường Đầu Mả, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1912/QĐ UBND, ngày 26/10/2018; 1119/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	36.041	2018-2022	11.000		11.000	
33	Đường vào nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh (đoạn từ nối tiếp đường Lạc Long Quân qua nhà hát đến đường bê tông Hữu Chấp, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1559/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	316.505	2017-2021, tiếp đến năm 2023	40.000		40.000	
34	Dự án ĐT XD đường nối khu A với khu B trường Đại học Dược Hà Nội tại khu đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	955/QĐ-UBND ngày 18/9/2014	19.197	2014-2016	3.000		3.000	
35	Đường gom bên trái QL.18 từ KCN Quê Võ đến khu đô thị Tây Hồ và hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng (lý trình từ Km8+100 đến Km8+400)	Ban QLDAXD Giao thông	1988/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	38.763	2019-2021, tiếp đến năm 2023	12.600		12.600	

4/ 

STT	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT		Tổng cộng	Nguồn Xổ số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
36	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới, đoạn nối QL.17 với QL.38 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; giai đoạn I,II: đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 lý trình từ Km4+00 đến Km7+00 và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 lý trình từ Km15+00 đến Km22+500 huyện Lương Tài - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	1928/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 (Giai đoạn I, II)	428.354	Đến hết năm 2023	25.000		25.000	
37	Dự án ĐTXD bổ sung cầu Đồng Xếp 2, nút giao giữa QL.1A với ĐT.287, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	1930/QĐ ngày 26/10/2018	110.941	2018-2022	5.000		5.000	
38	Đầu tư xây dựng đường TL.287 đoạn từ QL.38 mới, huyện Tiên Du đến QL.18, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	1915/QĐ ngày 26/10/2018	377.651	2018-2021, tiếp đến năm 2023	25.000		25.000	
39	Cải tạo, nâng cấp đường TL.286, đoạn Đồng Yên Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh (lý trình Km7 + 569,04-Km12+230) giai đoạn I	Ban QLDAXD Giao thông	321/QĐ ngày 20/03/2018	258.354	2018-2022	5.000		5.000	
40	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp ĐT.284, đoạn từ Lăng Ngâm – Thị trấn Thứa, huyện Gia Bình – Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh giai đoạn I; Đoạn từ Km2+700 đến Km10+350	Ban QLDAXD Giao thông	1840/QĐ ngày 22/10/2018	313.632	2018-2022	20.000		20.000	
41	Dự án đầu tư xây dựng ĐT.278 đoạn QL18 lên đê sông Cầu, huyện Quế Võ	Ban QLDAXD Giao thông	1929/QĐ ngày 26/10/2018	232.484	2018-2022	20.000		20.000	
42	Đầu tư xây dựng cầu Nét (lý trình K77+00) đường ĐT 295 đoạn Yên Phong Từ sơn	Ban QLDAXD Giao thông	1895/QĐ ngày 26/10/2018	119.787	2018-2020, tiếp đến năm 2023	10.000		10.000	
43	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ TL.277 đến khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ, thị xã Từ Sơn (đoạn từ UBND phường Trang Hạ đi khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ).	Ban QLDAXD Giao thông	1817/QĐ ngày 31/10/2019	461.435	2019-2024	20.000		20.000	
44	Đường dẫn phía Bắc từ ĐT.276 đến đầu cầu Phát Tích - Đại Đồng Thành, địa phận huyện Tiên Du	Ban QLDAXD Giao thông	954/QĐ ngày 9/8/2016; 517/QĐ-UBND ngày 01/4/2019; 2100/QĐ ngày 23/12/2019; 1298/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	214.046	2016-2019, tiếp đến năm 2022	5.000		5.000	

*Handwritten signature*

STT	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMDT		Tổng cộng	Nguồn Xố số năm 2022	Nguồn XD CB tập trung	
45	Đường TL276 mới, đoạn từ nút giao với đường Nội Duệ Tri Phương đến đường dẫn phía Bắc cầu Phất Tích Đại Đồng Thành, huyện Tiên Du	Ban QLDA XD Giao thông	1887/QĐ ngày 26/10/2018; 1098/QĐ-UBND ngày 07/09/2021	151.277	2018-2020, tiếp đến năm 2022	2.000		2.000	
46	Dự án ĐT XD đường TL 287 đoạn Hoàn Sơn đến nút giao đường dẫn phía Bắc Cầu Phất Tích - Đại Đồng Thành (Km5+00 - Km8+650), huyện Tiên Du	Ban QLDA XD Giao thông	1691/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	326.380	2019-2023	35.000		35.000	
47	Đường TL 284 đoạn thị trấn Thứa đi Văn Thái (lý trình Km11-Km18) huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1544/QĐ-UBND 27/10/2017	197.396	2018-2021, tiếp đến năm 2022	10.000		10.000	
48	ĐT XD cải tạo, nâng cấp đường vào khu xử lý rác thải tập trung tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1138/QĐ-UBND ngày 21/8/2020	75.416	2020-2023	13.000		13.000	
49	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ QL.38 đi ĐT.276 thuộc địa phận xã Trầm Lộ xã Gia Đông - xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1806/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	86.624	2020-2024	5.000		5.000	
50	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ ĐT.276 đi ĐT.283 thuộc địa phận xã Nguyệt Đức - xã Thanh Khương - xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1504/QĐ UBND, ngày 30/9/2019	81.928	2020-2024	10.000		10.000	
51	Dự án ĐT XD các tuyến đường gom để giảm ùn tắc giao thông tại khu vực nút giao QL.1A - QL.38, thành phố Bắc Ninh (giai đoạn 1)	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1971/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	129.993	2018-2022	11.000		11.000	
52	Dự án ĐT XD Cải tạo, nâng cấp ĐT.277 đoạn từ Phù Đồng đến QL.1A (địa phận xã Phù Chấn, thị xã Từ Sơn)	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	1968/QĐ UBND, ngày 30/10/2018; 1080/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	84.275	Đến hết năm 2022	6.300		6.300	
<b>b</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>			<b>2.110.752</b>		<b>131.673</b>	<b>-</b>	<b>131.673</b>	

lv  


STT	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT		Tổng cộng	Nguồn Xỏ số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
53	Nâng cấp tuyến đê hữu Đuông, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	565/QĐ-UBND ngày 23/5/2011	928.100	2011-2022	29.173		29.173	
54	Xây dựng tuyến kênh mới từ cống Nội Lạc Nhướ đến bể hút trạm bơm Vạn An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1837/QĐ-UBND ngày 20/10/2019; 916/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	50.000	2019-2022	8.000		8.000	
55	Cải tạo, kiên cố hóa hệ thống kênh sau cống qua đê trạm bơm Phú Mỹ, huyện Thuận Thành	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1871/QĐ-UBND, ngày 25/10/2018	59.558	2019-2022	5.500		5.500	
56	Củng cố hóa kênh tiêu Đồng khởi thuộc hệ thống thủy nông Nam Đuông	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1752/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	99.954	2021-2023	5.000		5.000	
57	Dự án ĐTXD Trạm bơm Tri Phương II	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3907/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017	265.002	2017-2021	47.000		47.000	
58	Dự án Trạm bơm tiêu Ngọc Tri, huyện Lương Tài	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1801/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019; 1432/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	75.000	2021-2023	15.000		15.000	
59	Dự án xử lý các vị trí chấn đé xung yếu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Chi cục Thủy lợi	1557/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	179.966	2018-2020	5.000		5.000	
60	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Tri phương	Công ty TNHH MTV KTCITL Bắc Đuông	1504/QĐ-UBND; 07/12/2015	77.394	Đến 31/12/2023	5.000		5.000	

4

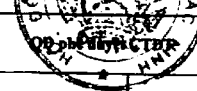
STT	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT		Tổng cộng	Nguồn Xố số năm 2022	Nguồn XD CB tập trung	
61	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp, thành phố Bắc Ninh	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1463/QĐ-UBND, 31/10/2016	279.952	Đến 30/6/2023	5.000		5.000	
62	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quế Tân (trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1958/QĐUBND, ngày 30/10/2018	31.451	2019-2020	1.500		1.500	
63	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (Trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1959/QĐUBND, ngày 30/10/2018	34.390	Đến 31/12/2022	500		500	
64	ĐT XD Trạm bơm tiêu Nghi An 1	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đường	1768/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019	29.985	2019-2021, đến hết 31/10/2022	5.000		5.000	
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực trụ sở cơ quan nhà nước</b>			<b>431.942</b>		<b>45.500</b>	<b>-</b>	<b>45.500</b>	
65	Trụ sở các Ban Đảng tỉnh Bắc Ninh.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	848/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	87.408	2019-2021	9.000		9.000	
66	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Đài Phát thanh & Truyền hình Bắc Ninh	Đài Phát thanh truyền hình	293/QĐ-UBND, ngày 16/3/2016	89.447	Đến năm 2022	3.500		3.500	
67	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Y tế	Sở Y tế	428a/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2019; 233/QĐ-SKHĐT QL N ngày 13/9/2021	13.500	2019-2022	5.000		5.000	
68	Dự án ĐT XD trụ sở Huyện ủy – HĐND – UBND huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	607/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	179.079	2018-2021, tiếp đến năm 2022	15.000		15.000	
69	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	199/QĐ-VKSTC ngày 22/10/2020	27.158	2021-2023	5.000		5.000	
70	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	200/QĐ-VKSTC ngày 22/10/2020	23.122	2021-2023	5.000		5.000	
71	Dự án: Đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Bắc Ninh	Thanh tra tỉnh	128/QĐ-SKHĐT.ĐT G ngày 16/6/2021	12.228	2021-2022	3.000		3.000	

4/ 



**PHỤ LỤC 06:**  
**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2022**  
(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư			Quyết định đầu tư		Dự toán chi phí bước lập, phê duyệt dự án		Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMBT	Số QĐ	TMBT	Trong đó Ngân sách tỉnh	Số QĐ		
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>1.811.383</b>		<b>1.811.383</b>	<b>230.000</b>		<b>7.000</b>	
1	Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh (Khu ươm tạo, khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ công nghiệp phụ trợ và công nghệ cao, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	22/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	499.898	Dự kiến	499.898			3.000	
2	Dự án ĐTXD Trung tâm y tế và nhà tang lễ thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	62/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	531.402	Dự kiến	531.402	130.000		1.700	
3	Xử lý nước thải huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	25/NQ-HĐND ngày 26/11/2021	414.990	Dự kiến	414.990	100.000		1.600	
4	Đường Hoàng Quốc Việt, thị xã Từ Sơn	Ban QLDA XD Giao thông	39/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	190.624	Dự kiến	190.624		928/QĐ-QLDA ngày 22/9/2021	348	300
5	Đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cầu Ngà và đường hai đầu cầu	Ban QLDA XD Giao thông	61/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	174.469	Dự kiến	174.469		1023/QĐ-QLDA ngày 20/10/2021	403	400

*[Signature]*

**PHỤ LỤC 07:**  
**DANH MỤC DỰ ÁN KHUẤT CÔNG MỘT NĂM 2022 (100% NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 88/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quỹ đầu tư (TĐT)		Quyết định đầu tư		Thời gian thực hiện	TMBT/số vốn BTC ngân sách tỉnh	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số QĐ	TMBT	Số quyết định	TMBT			Tổng cộng	Ngân sách XDCB tập trung	Ngân sách bổ sung BTC năm 2022	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>29 dự án</b>		<b>1.361.178</b>		<b>1.022.746</b>		<b>2.239.452</b>	<b>448.000</b>	<b>260.000</b>	<b>188.000</b>	
I	<b>Lĩnh vực Quốc phòng</b>			<b>29.978</b>		-		<b>29.978</b>	<b>16.000</b>	<b>16.000</b>	-	
	<b>Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh</b>			<b>29.978</b>		-		<b>29.978</b>	<b>16.000</b>	<b>16.000</b>	-	
1	Dự án: ĐTXD nhà trực sẵn sàng chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Lương Tài.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng	14.989			2021-2022	14.989	8.000	8.000		
2	Dự án: ĐTXD nhà trực sẵn sàng chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Gia Bình.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng	14.989			2021-2022	14.989	8.000	8.000		
II	<b>Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>			<b>249.900</b>		<b>123.450</b>		<b>173.450</b>	<b>35.000</b>	<b>35.000</b>	-	
	<b>Công an tỉnh</b>			<b>249.900</b>		<b>123.450</b>		<b>173.450</b>	<b>35.000</b>	<b>35.000</b>	-	
3	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự 10 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	25/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	80.000			2022-2025	80.000	15.000	15.000		
4	Đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	Số 911/QĐ-BCA-H43 ngày 24/3/2017	169.900	3961/QĐ-BCA-H01 ngày 30/5/2019	123.450		93.450	20.000	20.000		
III	<b>Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>			<b>142.031</b>		<b>99.810</b>		<b>141.541</b>	<b>28.000</b>	<b>20.000</b>	<b>8.000</b>	
	<b>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bắc Ninh</b>			<b>142.031</b>		<b>99.810</b>		<b>141.541</b>	<b>28.000</b>	<b>20.000</b>	<b>8.000</b>	
5	Dự án ĐTXD trường THPT Yên Phong số 1 - Phần Khu 2	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019, 53/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	100.000	1500/QĐ-UBND ngày 30/10/2020, 1438/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	99.810	2021-2023	99.510	20.000	20.000		
6	Dự án ĐTXD nhà hiệu bộ, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường THPT Gia Bình số 1	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	515/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	42.031			2022-2024	42.031	8.000		8.000	
IV	<b>Lĩnh vực Văn hóa, thể thao</b>			<b>61.031</b>		<b>21.974</b>		<b>60.974</b>	<b>15.000</b>	<b>9.000</b>	<b>6.000</b>	
	<b>Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch</b>			<b>61.031</b>		<b>21.974</b>		<b>60.974</b>	<b>15.000</b>	<b>9.000</b>	<b>6.000</b>	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hồi Quan, thị xã Từ Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	372/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	39.000			2022-2025	39.000	9.000	9.000		
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Viêm Xá (Đình Diêm), xã Hòa Long, TP Bắc Ninh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	670/QĐ - UBND, ngày 18/10/2019	22.031	1740/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019	21.974	2019-2022	21.974	6.000		6.000	
V	<b>Lĩnh vực Thể dục thể thao</b>			<b>87.945</b>		<b>78.437</b>		<b>78.437</b>	<b>20.000</b>	-	<b>20.000</b>	
	<b>Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị</b>			<b>87.945</b>		<b>78.437</b>		<b>78.437</b>	<b>20.000</b>	-	<b>20.000</b>	
9	Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật trung tâm thể dục thể thao tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	281/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	87.945	QĐ 1791/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 (PD dự án)	78.437	2021-2024	78.437	20.000		20.000	
VI	<b>Lĩnh vực bảo vệ môi trường</b>			<b>66.139</b>		<b>53.897</b>		<b>53.897</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	-	
	<b>UBND Huyện Quế Võ</b>			<b>66.139</b>		<b>53.897</b>		<b>53.897</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	-	

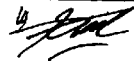
*U*



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTBT		Quyết định đầu tư		Thời gian thực hiện	TMBT/số vốn ĐTC ngân sách tỉnh	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số QĐ	TMBT	Số quyết định	TMBT			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn bổ sung ĐTC năm 2022	
10	Dự án ĐTXD trồng dài cây xanh xung quanh khu xử lý chất thải tập trung xã Phú Lăng, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (phòng Tài nguyên môi trường)	340/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	66.339	707/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	53.897	2021-2024	53.897	20.000	20.000		
VII	<b>Các hoạt động kinh tế</b>			<b>1.661.969</b>		<b>638.194</b>		<b>1.639.190</b>	<b>292.000</b>	<b>138.000</b>	<b>154.000</b>	
a	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>			<b>553.683</b>		<b>294.297</b>		<b>547.893</b>	<b>89.000</b>	<b>67.000</b>	<b>22.000</b>	
	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>			<b>497.991</b>		<b>238.614</b>		<b>492.210</b>	<b>82.000</b>	<b>60.000</b>	<b>22.000</b>	
11	Công hòa kênh Nam đoạn K8+700-K14+100	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	116.429			2021-2024	116.429	22.000	22.000		
12	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Ngòi Tô, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1118/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	60.000	1271/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	60.000	2021-2023	60.000	9.000	9.000		
13	Dự án Xử lý lún, nứt thân đê, sạt trượt mái đê đoạn từ K41+200 đến K45+000 đê hữu Đuống, huyện Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phụ lục 14- Nghị quyết 169/NQ - HĐND ngày 17/4/2019	130.000			2021-2023	130.000	22.000		22.000	
14	Xây dựng tuyến kênh đào dài nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	90/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	7.567			2021-2023	7.567	3.000	3.000		
15	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K28+500-K31+100 đê tả Đuống, huyện Tiên Du	Chi cục Thủy lợi	58/QĐ-UBND ngày 15/01/2021	79.000	1433/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	78.934	2021-2023	78.934	10.000	10.000		
16	Kê Viêt Thống huyện Quế Võ (gói đoạn 2)	Chi cục Thủy lợi	972/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	45.000	1569/QĐ-UBND ngày 18/11/2020	39.666	2021-2023	39.666	6.000	6.000		
17	Lắp đặt máy vớt rác tự động các trạm bơm Tân Chi, Phán Đông, Kim Dớt 2	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đuống	581/QĐ-UBND ngày 16/4/2019; 269/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	59.994	1746/QĐ-UBND, 30/10/2019	59.994	Hoàn thành năm 2023	59.994	10.000	10.000		
	<b>UBND huyện Lương Tài</b>			<b>55.692</b>		<b>55.683</b>		<b>55.683</b>	<b>7.000</b>	<b>7.000</b>	-	
18	ĐTXD 10 trạm bơm cục bộ huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1663/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	55.692	1767/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	55.683	2020-2022	55.683	7.000	7.000		
b	<b>Lĩnh vực Giao thông</b>			<b>1.072.386</b>	-	<b>343.897</b>		<b>1.055.397</b>	<b>193.000</b>	<b>61.000</b>	<b>132.000</b>	
	<b>Sở Giao thông vận tải (Ban QLDA)</b>			<b>880.130</b>		<b>335.202</b>		<b>863.501</b>	<b>160.000</b>	<b>40.000</b>	<b>120.000</b>	
19	Đầu tư xây dựng đường ĐT.285B (đoạn từ ĐT.295, xã Đông Tiến đến QL.3 mới huyện Yên Phong) và nút giao hoàn chỉnh nút ĐT.285B với QL.3 mới	Ban QLDA XD Giao thông	85/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	528.300			2022-2023	528.300	120.000		120.000	
20	Dự án ĐTXD đường ĐT.287 đoạn từ xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong đến phường Đông Nguyễn, thị xã Từ Sơn	Ban QLDA XD Giao thông	169/NQ-HĐND ngày 17/4/2019	351.830	1708/QĐ ngày 29/10/2019	335.202	2019-2023	335.202	40.000	40.000		
	<b>UBND huyện Yên Phong</b>			<b>79.994</b>		-		<b>79.994</b>	<b>12.000</b>	-	<b>12.000</b>	
21	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL.295 đoạn từ vị trí chân cầu vượt nút giao với QL.18 đến đường TL.285B theo quy hoạch	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	Phụ lục số 41, Nghị quyết 211/NQ - HĐND ngày 29/10/2019; Văn bản số 111/TTTHĐND ngày 29/10/2020	79.994			2020-2022	79.994	12.000		12.000	
	<b>UBND huyện Tiên Du</b>			<b>39.939</b>		-		<b>39.939</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	-	

4

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QB phê duyệt CTBT		Quyết định đầu tư		Thời gian thực hiện	TMDT/số vốn BTC ngân sách tỉnh	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số QB	TMDT	Số quyết định	TMDT			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn bổ sung BTC năm 2022	
22	Dự án ĐTXD đường ĐT.277, đoạn từ QL.38 đến ĐT.276, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	543/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	39.939			2021-2023	39.939	8.000	8.000		
	UBND thành phố Bắc Ninh			9.056		8.696		8.696	4.000	4.000	-	
23	Dự án đầu tư xây dựng tuyến nhánh giao thông hướng Lạng Sơn đi Quảng Ninh thuộc nút giao QL.18 với QL.1A	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	435/QĐ-UBND ngày 22/09/2020	9.056	79/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 22/4/2021	8.696	2021-2023	8.696	4.000	4.000		
	UBND thị xã Từ Sơn			63.267		-		63.267	9.000	9.000	-	
24	Dự án ĐTXD cải tạo nâng, cấp nút giao Đại Đình - tuyến đường nhánh kết nối TL.277 và QL.1A (hướng Phố Chấn đi Hà Nội và Bắc Giang về Từ Sơn), thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	305/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	63.267			2020-2023	63.267	9.000	9.000		
	Lĩnh vực Công nghệ thông tin			35.900		-	-	35.900	10.000	10.000	-	
	Văn phòng Tỉnh ủy			35.900		-	-	35.900	10.000	10.000	-	
25	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	208/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	35.900			2022-2024	35.900	10.000	10.000		
VIII	Lĩnh vực trợ xã hội			61.985		6.984		61.985	22.000	22.000	-	
	Ban Tiếp công dân			7.000		6.984		7.000	3.000	3.000	-	
26	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Tiếp công dân tỉnh Bắc Ninh	Ban Tiếp công dân tỉnh	255/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	7.000	313/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 19/11/2021	6.984	2022-2024	7.000	3.000	3.000		
	Sở Tư pháp			10.000		-		10.000	4.000	4.000	-	
27	Dự án cải tạo, mở rộng trụ sở Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh	Sở Tư pháp	210/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	10.000			2022-2024	10.000	4.000	4.000		
	Văn phòng Tỉnh ủy			29.986		-		29.986	10.000	10.000	-	
28	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Tỉnh ủy Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	254/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	29.986			2022-2024	29.986	10.000	10.000		
	Sở Tài nguyên và môi trường			14.999		-		14.999	5.000	5.000	-	
29	Cải tạo sửa chữa Trung tâm kỹ thuật tài nguyên - Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và môi trường	498/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	14.999			2022-2024	14.999	5.000	5.000		

4/ 

PHỤ LỤC 08:  
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DIỆN, NHIỆM VỤ CHỈ ĐẠO VỐN ĐẦU TƯ CÔNG HỖ TRỢ THEO CHÍNH SÁCH CỦA TỈNH  
(Kế hoạch Nhà nước số 49/QĐ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư đề xuất	Quyết định chủ trương			Văn bản cam kết hỗ trợ vốn của UBND tỉnh		Vốn đầu tư công NSNN hỗ trợ năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng hỗ trợ dự kiến	Số, ngày tháng	Mức hỗ trợ		
	<b>TỔNG CỘNG</b>			202.000	23.440	-	11.861	12.000	-
1	Dự án sản xuất chế biến các sản phẩm nông nghiệp và trưng bày giới thiệu sản phẩm	Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Vĩnh Cửu	xã An Thịnh, huyện Lương Tài	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	32.000	12.240	3182/UBND-NN ngày 04/10/2021	11.861	8.000
2	Dự án sản xuất nông sản xanh, sạch, an toàn	Công ty nông nghiệp CNC Hồ Gươm Bắc Ninh	xã Lâm Thao, huyện Lương Tài	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	170.000	11.200			4.000


*ly*

**DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CHƯA ĐỦ THỦ TỤC ĐẦU TƯ (ĐẾN NGÀY 08/12/2022)**  
(Kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



PHỤ LỤC 09-A:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	 Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	QB phê duyệt CTĐT		Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số QB	TMBT		
TỔNG CỘNG						
I	Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án			5.066.842	646.300	
a	Dự án sử dụng vốn Ngân sách trung ương			3.450.552	636.000	
1	Dự án ĐTXD đường ĐT278 đoạn từ QL18, xã Phương Mao đến ĐT287, xã Yên Giả, huyện Quế Võ	Ban QLDAXD Giao thông	291/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 363/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	298.163	40.000	
2	ĐTXD cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương	Ban QLDAXD Giao thông	366/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	1.590.000	273.000	
3	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K32+544 - K33+300 và đoạn K46+500 - K46+700 đê hữu Cầu, huyện Yên Phong	Chi cục Thủy lợi	368/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	85.000	20.000	
4	ĐTXD ĐT.282B đoạn từ ĐT.285 đi đường dẫn cầu Bình Than, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Phụ lục 11 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019, 23/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	230.000	30.000	
b	Dự án ngân sách tỉnh quản lý			1.247.389	273.000	
1	Dự án Xử lý lún, nứt thân đê, sạt trượt mái đê đoạn từ K41+200 đến K45+000 đê hữu Đường, huyện Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phụ lục 14- Nghị quyết 169/NQ - HĐND ngày 17/4/2019	130.000	22.000	
2	Xây dựng tuyến kênh kéo dài nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	90/QĐ- UBND- ngày 22/01/2021	7.567	3.000	
3	Cứng hóa kênh Nam đoạn K8+700-K14+100	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	116.429	22.000	
4	Đầu tư xây dựng đường ĐT.285B (đoạn từ ĐT.295, xã Đông Tiến đến QL.3 mới huyện Yên Phong) và Nút giao hoàn chỉnh nối ĐT.285B với QL.3 mới	Ban QLDAXD Giao thông	85/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	528.300	120.000	
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Tỉnh ủy Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	254/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	29.986	10.000	
6	Dự án: ĐTXD nhà trực sản sang chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Lương Tài.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng	14.989	8.000	
7	Dự án: ĐTXD nhà trực sản sang chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Gia Bình.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng	14.989	8.000	
8	Dự án ĐTXD nhà hiệu bộ, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường THPT Gia Bình số 1	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	515/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	42.031	8.000	

14

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMDT		
9	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự 10 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	25/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	80.000	15.000	
10	Cải tạo sửa chữa Trung tâm kỹ thuật tài nguyên - Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và môi trường	498/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	14.999	5.000	
11	Dự án cải tạo, mở rộng trụ sở Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh	Sở Tư pháp	210/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	10.000	4.000	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hối Quan, thị xã Từ Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	372/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	39.000	9.000	
13	Dự án ĐTXD đường ĐT.277, đoạn từ QL.38 đến ĐT.276, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	543/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	39.939	8.000	
14	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL.295 đoạn từ vị trí chân cầu vượt nút giao với QL.18 đến đường TL.285B theo quy hoạch	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	Phụ lục số 41, Nghị quyết 211/NQ - HĐND ngày 29/10/2019; Văn bản số 111/TTHĐND ngày 29/10/2020	79.994	12.000	
15	Dự án ĐTXD cải tạo nâng, cấp nút giao Đại Đình - tuyến đường nhánh kết nối TL.277 và QL.1A (hướng Phù Chân đi Hà Nội và Bắc Giang về Từ Sơn), thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	305/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	63.267	9.000	
16	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	208/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	35.900	10.000	
II	Dự án có kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022 chưa có quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư			1.446.290	6.300	
1	Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh (Khu ươm tạo, khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ công nghiệp phụ trợ và công nghệ cao, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	22/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	499.898	3.000	
2	Xử lý nước thải huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	25/NQ-HĐND20 ngày 26/11/2021	414.990	1.600	
3	Dự án ĐTXD Trung tâm y tế và nhà tang lễ thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	62/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	531.402	1.700	
III	Nhiệm vụ chi hỗ trợ đầu tư theo chính sách của tỉnh			170.000	4.000	
1	Dự án sản xuất nông sản xanh, sạch, an toàn	Công ty nông nghiệp CNC Hồ Gươm Bắc Ninh	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	170.000	4.000	

4

**PHỤ LỤC 09-B:**  
**DANH MỤC DỰ ÁN HẾT THỜI GIAN BỎ TRÍ VỐN/HẾT THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN CHƯA ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG THỰC HIỆN DỰ ÁN (ĐẾN NGÀY 08/12/2021)**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 88/2021/NQ-HĐNN, ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		QĐ phê duyệt Dự án		Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMBT	Số QĐ	TMBT			
TỔNG CỘNG									
1	Dự án bỏ trí vốn quá thời hạn theo quy định tại Khoản 2, Điều 53 Luật Đầu tư công (cho phép kéo dài thời gian bỏ trí vốn khi đã thủ tục)	14 dự án		6.643.182		6.699.149		#N/A	
a	Dự án thuộc nhiệm vụ chỉ của cấp huyện, xã (Ngân sách tỉnh hỗ trợ giải đoạn 2021-2025; phần còn lại ngân sách địa phương bỏ trí)			3.351.606		3.430.857		392.600	
a1	Dự án nhóm C			167.041		166.995		26.000	
1	Cải tạo, chỉnh trang sông Thửa (Đoạn hồ Thửa đi TL280)	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	370/BC-HĐTD QLN ngày 03/11/2021	37.297	1908/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	37.297	2019-2022	5.000	- Đồng thời dự án đã hết thời gian thực hiện dự án, - HĐTD đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
2	Dự án đầu tư xây dựng đường trục huyện Quế Võ đoạn từ QL18 đi xã Phú Lương	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	NQ 107/NQ-HĐND ngày 17/4/2018	59.982	1917/QĐ UBND, ngày 26/10/2018	59.936	2018-2020, tiếp đến năm 2022	8.000	- Đồng thời dự án đã hết thời gian thực hiện dự án, - HĐTD đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
3	Hệ thống tiêu thoát nước trên địa bàn huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	69.762	1919/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	69.762	2018-2022	13.000	- Đồng thời dự án đã hết thời gian thực hiện dự án, - Thời gian thực hiện DA: trong QĐ phê duyệt CTĐT là 2018-2022, trong QĐ phê duyệt dự án là 2018-2020. Chưa điều chỉnh dự án về thời gian thực hiện
b	Dự án thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách tỉnh			702.845		783.142		51.600	
b1	Dự án nhóm B			493.998		493.998		18.000	
1	Đường dẫn phía Bắc từ DT.276 đến cầu cầu Phát Tích - Đại Đồng Thành, địa phận huyện Tiên Du	Ban QLDA XD Giao thông	142/NQ-HĐND 18 ngày 29/7/16	214.046	954/QĐ ngày 9/8/2016; 517/QĐ-UBND ngày 01/4/2019; 2100/QĐ ngày 23/12/2019; 1298/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	214.046	2016-2019, tiếp đến năm 2022	5.000	
2	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp, thành phố Bắc Ninh	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đường	1337/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	279.952	1463/QĐ-UBND, 31/10/2016	279.952	Đến 30/6/2023	5.000	- Đồng thời dự án đã hết thời gian thực hiện dự án, - HĐTD đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
b2	Dự án nhóm C			208.847		288.143		41.600	
1	Đường vào Trung tâm đào tạo bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh (đoạn từ đường Hàn Thuyên đến đường Lê Văn Thịnh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	764/QĐ-UBND ngày 24/5/2018; 251/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	26.585	1723/QĐ-UBND, ngày 05/10/2018; 1120/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	26.390	2018-2020, tiếp đến năm 2022	12.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		QĐ phê duyệt Dự án		Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMDT	Số QĐ	TMDT			
2	Đường gom bên trái QL.18 từ KCN Quế Võ đến khu đô thị Tây Hồ và hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng (lý trình từ Km8+100 đến Km8+400)	Ban QLĐXD Giao thông	1885/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	39.027	1988/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	38.763	2019-2021, tiếp đến năm 2023	12.600	- Đồng thời dự án đã hết thời gian thực hiện dự án, - HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
3	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chỉnh trạm bơm Trì phương	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đương		77.394	1504/QĐ-UBND, 07/12/2015	77.394	Đến 31/12/2023	5.000	- Đồng thời dự án đã hết thời gian thực hiện dự án, - HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
4	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quế Tân (trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đương	1657 ngày 28/9/2018	31.451	1958/QĐUBND, ngày 30/10/2018	31.451	2019-2020	1.500	- Đồng thời dự án đã hết thời gian thực hiện dự án, - CETĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
5	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (Trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đương	1674/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	34.390	1959/QĐUBND, ngày 30/10/2018	34.390	Đến 31/12/2022	500	- Đồng thời dự án đã hết thời gian thực hiện dự án, - HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
6	Trùng tu, tôn tạo khu di tích Chùa Đậu, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLĐA)			1221/QĐ UBND, ngày 05/9/2017 (PDDA đc)	79.756	2017-2020	10.000	- Đồng thời dự án đã hết thời gian thực hiện dự án, - Có VB số 3942/UBND-XĐCB ngày 12/11/2020, chưa làm thủ tục điều chỉnh dự án
c	Dự án sử dụng vốn Ngân sách trung ương			2.481.720		2.481.720		315.000	
c1	Dự án nhóm B			2.481.720		2.481.720		315.000	
1	Dự án đầu tư công trình nạo vét kênh tiêu Hiền Lương, huyện Quế Võ	Ban QLĐA ĐTXĐ các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28/TTHĐND17 ngày 11/12/2020; 345/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	258.389	925/QĐ-UBND, 1909/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	258.389	Đến hết năm 2023	10.000	
2	Đầu tư xây dựng Cầu Phát Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đường nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban QLĐXD Giao thông	109/TT HĐND17 ngày 29/6/2016, 124/TT HĐND18 ngày 22/5/2017; 241/NQ-HĐND ngày 4/6/2020; 365/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	1.926.969	691/QĐ - UBND ngày 30/5/2017; 659/QĐ - UBND, ngày 10/6/2020	1.926.969	Đến hết năm 2022	285.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đường TL 278 (đoạn từ QL18 + QL38) thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLĐXD Giao thông	32/TT HĐND17 ngày 07/3/2016, 37/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	296.362	1136/QĐ-UBND ngày 16/9/2016, 1927/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	296.362	Đến hết năm 2022	20.000	
11	Dự án đã hết thời gian thực hiện dự án	21 dự án		3.150.468		3.153.409		289.663	
a	Dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, xã (Ngân sách tính hỗ trợ giai đoạn 2021-2025; phần còn lại ngân sách địa phương bổ trợ)			553.656		511.415		53.455	
1	Dự án chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Thứa, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLĐA)	1189/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	49.574	1748/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	45.058	2019-2021, tiếp đến năm 2022	7.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	QB phê duyệt CTĐT		QB phê duyệt Dự án		Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số QB	TMBT	Số QB	TMBT			
2	đường trục chính đô thị từ tỉnh lộ 279 đi Khu công nghiệp Quế Võ số 3, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	96.821	1942/QĐ UBND, ngày 29/10/2018	95.139	2018-2021, tiếp đến năm 2022	5.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
3	Dự án ĐTXD đường trục huyện Quế Võ đoạn từ TL.279 đi Bằng An, lên đê Hữu Cầu	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	102.533	1926/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	102.486	2018-2022	5.000	Thời gian thực hiện dự án theo CTĐT là đến năm 2022, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
4	đường trục chính đô thị đoạn từ QL18 đi xã Việt Hùng, xã Bằng An, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	62/TT-HĐND18 ngày 05/4/2018	175.293	1101/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018; 605/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	144.495	2018-2021, tiếp đến năm 2022	9.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
5	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đê tá Đường (tại xã Minh Đạo) đi TL.287, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	201/NQ-HĐND ngày 11/07/2019	75.435	1745/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	74.959	Năm 2020-2022, tiếp đến năm 2023	14.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
6	Dự án ĐTXD Đường về khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ đoạn từ ĐT.277 qua UBND phường Trưng Hạ, thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	454/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	54.000	1608/QĐ UBND, ngày 15/10/2019	49.278	2019-2021, tiếp đến năm 2023	13.455	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
<b>b. Dự án thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách tỉnh</b>				<b>2.596.812</b>		<b>2.641.995</b>		<b>236.208</b>	
1	Công trình đường hầm Sô chỉ huy thống nhất tỉnh Bắc Ninh	Bộ CHQS tỉnh	119/THĐDND17 ngày 14/7/2015; 31/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	108.431	1736/QĐ-UBND, 31/12/2015	102.719	2015-2022	9.208	Đã phê duyệt điều chỉnh CTĐT chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
2	Dự án ĐTXD Trạm bơm Tri Phương II	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1077/QĐ-BNN-XD ngày 30/3/2017	265.002	3907/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017	265.002	2017-2021	47.000	CTĐT, DA phê duyệt t/g thực hiện là 17-21 ; QĐ số 1862/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về việc phê duyệt BVTC và DT hạng mục Kênh, công trình trên kênh . phê duyệt T/g thực hiện là 2021-2022
3	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới, đoạn nối QL.17 với QL.38 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; giai đoạn I, II. đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 lý trình từ Km4+00 đến Km7+00 và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 lý trình từ Km15+00 đến Km22+500 huyện Lương Tài - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA XD Giao thông	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	432.300	1928/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 (Giai đoạn I, II)	428.354	Đến hết năm 2023	25.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
4	Đầu tư xây dựng đường TL.287 đoạn từ QL.38 mới, huyện Tiên Du đến QL.18, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA XD Giao thông	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	377.656	1915/QĐ ngày 26/10/2018	377.651	2018-2021, tiếp đến năm 2023	25.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
5	Đầu tư xây dựng cầu Nét (lý trình K77+00) đường ĐT 295 đoạn Yên Phong Từ Sơn	Ban QLDA XD Giao thông	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	120.000	1895/QĐ ngày 26/10/2018	119.787	2018-2020, tiếp đến năm 2023	10.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	QB phê duyệt CTĐT		QB phê duyệt Dự án		Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số QB	TMDT	Số QB	TMDT			
6	Trung tâm văn hóa thiếu nhi phía nam tỉnh tại thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	149.938	191/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDĐA)	148.483	2018-2021, đến hết năm 2022	15.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
7	Đường vào nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh (đoạn từ nối tiếp đường Lạc Long Quân qua nhà hát đến đường bê tông Hữu Chấp, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	234/TT-HĐND18 ngày 15/9/2017	319.448	1559/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	316.505	2017-2021, tiếp đến năm 2023	40.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
8	Trụ sở các Ban Đảng tỉnh Bắc Ninh.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	169/NQ-HĐND ngày 17/4/2019	89.909	848/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	87.408	2019-2021	9.000	Chưa điều chỉnh CTĐT, DA về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
9	Tăng cường năng lực hoạt động cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giai đoạn 2012-2020	Sở Khoa học công nghệ	202/TT-HĐND ngày 16/10/2015; 54/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	71.609	1554/QĐ-UBND ngày 05/12/2012; 245/QĐ-UBND ngày 09/3/2016; 23/QĐ-UBND ngày 08/01/2019	81.478	2016-2020, đến năm 2022	500	Đã điều chỉnh CTĐT, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
10	ĐTXD Trạm bơm tiêu Nghi An 1	Công ty TNHH MTV KTCCTL Nam Đường	1768/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019	29.985	1768/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019	28.821	2019-2021, đến hết 31/10/2022	5.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
11	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Đài Phát thanh & Truyền hình Bắc Ninh	Đài Phát thanh truyền hình	29/NQ-HĐND ngày 16/7/2021		293/QĐ-UBND, ngày 16/3/2016	89.447	Đến năm 2022	3.500	Đã điều chỉnh CTĐT, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
12	Đầu tư xây mới chùa Dạm, xã Nam Sơn, TPBN	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	238/NQ-HĐND, ngày 05/12/2019	124.736	1470/QĐ-UBND, 30/11/2015, 840/QĐ-UBND ngày 4/6/2019	124.736	2015-2020	5.000	Có VB số 4388/UBND-XDCB ngày 22/12/2020 gia hạn thời gian đến hết 2022 nhưng chưa làm thủ tục về chủ trương đầu tư, dự án đầu tư
13	Đầu tư xây dựng nâng công suất và thay đổi nước ngầm sang sử dụng nước mặt công trình cấp nước sạch tập trung xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh	2145/QĐ-UBND, 20/11/2018	52.813	1720/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	39.446	2019-2021	10.000	Chưa điều chỉnh CTĐT, DA về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
14	Đường TL.284 đoạn thị trấn Thứa đi Văn Thái (tỷ trình Km11-Km18) huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	230/TT-HĐND18 ngày 14/9/2017	219.294	1544/QĐ-UBND 27/10/2017	197.396	2018-2021, tiếp đến năm 2022	10.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
15	Dự án ĐTXD trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	NQ 131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	179.999	607/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	179.079	2018-2021, tiếp đến năm 2022	15.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
16	ĐTXD 10 trạm bơm cục bộ huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1663/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	55.692	1767/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	55.683	2020-2022	7.000	Thời gian thực hiện dự án trong Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư là 2020-2022, thời gian thực hiện dự án trong Quyết định phê duyệt dự án là 2019-2021
III	<b>Chưa điều chỉnh nội dung thực hiện dự án</b>			141.108		114.883		18.000	
1	ĐTXD Trường THCS xã Phương Liễu, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019; 89/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	81.114	359/QĐ - UBND, ngày 20/3/2020	54.889	2020-2023	8.000	Đã điều chỉnh CTĐT, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
2	Lắp đặt máy với rúc tự động các trạm bơm Tân Chi, Phần Đông, Kim Đôi 2	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đường	581/QĐ-UBND ngày 16/4/2019, 269/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	59.994	1746/QĐ-UBND, 30/10/2019	59.994	Hoàn thành năm 2023	10.000	Đã điều chỉnh CTĐT, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án

*Handwritten signature/initials*